

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ - ST
Ngày 30/03/2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Trung Kiên

Bà Bạc Thị Kiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Tiến Trường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/03/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương N, sinh năm: 1983. Địa chỉ: Đội C, phường M, tỉnh Điện Biên. Nơi công tác: Trường mầm non S, xã M, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lý A X, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Đội C, phường M, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Lý A X đăng ký kết hôn ngày 23/06/2006 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Lai Châu (nay là xã H, tỉnh Lai Châu) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh X thường xuyên uống rượu say, không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc con cái, không có trách nhiệm với gia đình, một mình chị N phải đi làm để nuôi 02 con, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần, chị N đã cho anh X nhiều cơ hội nhưng anh X vẫn không thay đổi. Đến nay tình cảm vợ chồng rạn nứt, không tìm được tiếng nói chung, chị N và anh X không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và gia đình hai bên cũng như không cùng nhau nuôi dạy, chăm sóc con cái. Chị N nhận thấy hôn nhân không còn khả năng hàn gắn; mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý A X.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Lý A X có 2 con chung là: Cháu Lý Huyền P; sinh ngày 31/12/2006 và cháu Lý Hương G; Sinh ngày 24/02/2013. Hiện nay, cháu Lý Huyền P đã thành niên và có khả năng lao động, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Hương G cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và việc giao nộp tài liệu chứng cứ của bị đơn:

Quá trình chuẩn bị xét xử và tham gia tố tụng tại Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, thông báo cho bị đơn tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập bị đơn lên lấy lời khai và tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, bị đơn anh Lý A X đều vắng mặt không có lý do tại các buổi lấy lời khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa ngày 13/3/2026, không giao nộp cho Tòa án văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không giao nộp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý A X và giao cháu Lý Hương G cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lý A X thừa nhận: Anh và chị Nguyễn Thị Phương N đăng ký kết hôn ngày 23/06/2006 tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Lai Châu (nay là xã H, tỉnh Lai Châu) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do thi thoảng anh X có uống rượu thì chị N không hài lòng, hai vợ chồng lời qua tiếng lại. Anh X cho rằng anh có uống rượu vào buổi trưa và tối các ngày trong

tuần nhưng chỉ uống rượu cho vui, không đến nổi say xỉn suốt ngày, chỉ thi thoảng gặp bạn bè thì anh mới uống say. Từ khi kết hôn, anh X làm việc ở bưu điện, đến khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2013 thì nghỉ việc. Từ tháng 5 năm 2013 đến nay, anh X không có công việc, không có thu nhập ổn định. Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con cái và chi tiêu trong gia đình, chi phí ăn học cho cháu Lý Huyền P1 và cháu Lý Hương G là từ lương của chị N đi làm. Anh X chỉ thi thoảng cho cháu Lý Hương G tiền ăn sáng. Trừ những lúc uống rượu say thì anh và chị N vẫn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh X không đồng ý vì nếu ly hôn với chị N anh X không còn nơi nào để đi. Về việc chị N yêu cầu Tòa án giải quyết sau khi ly hôn chị N sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Hương G, anh X không có ý kiến gì. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán được phân công làm Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương N đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng về quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lý A X không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; vắng mặt không có lý do trong phiên họp kiểm tra việc công khai chứng cứ và hòa giải; phiên tòa ngày 13/3/2026; chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Nguyễn Thị Phương N được ly hôn với anh Lý A X.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Lý Hương G sinh ngày 24/02/2013 cho chị Nguyễn Thị Phương N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

+ Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Phương N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý A X và yêu cầu giải quyết về con chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015); khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Lý A X cư trú tại Đội C, phường M, tỉnh Điện Biên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phương N và anh Lý A X đăng ký kết hôn ngày 23/06/2006 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Lai Châu (nay là xã H, tỉnh Lai Châu). Chị N và anh X kết hôn tự nguyện, không ai bị ép buộc và tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, chị N khai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do anh X thường xuyên uống rượu say, không tu chí làm ăn, không quan tâm chăm sóc con cái, không có trách nhiệm với gia đình, một mình chị N phải đi làm để nuôi 02 con. Tại phiên tòa, anh X cũng thừa nhận thường xuyên uống rượu vào buổi trưa và buổi tối các ngày trong tuần, từ tháng 5 năm 2013 đến nay, mọi chi tiêu trong gia đình và chi phí ăn học cho các con do chị N một mình gánh vác.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án: Biên bản họp gia đình ngày 20/09/2017 (BL 25); biên bản họp gia đình ngày 08/06/2018 (BL 26); biên bản xác minh ngày 12/01/2026 (BL 36) và lời khai của anh Lý A X tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định: Hôn nhân giữa chị N và anh X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lý A X là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Lý A X là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung: Chị N và anh X có 2 con chung là: Cháu Lý Huyền P; sinh ngày 31/12/2006 và cháu Lý Hương G; Sinh ngày 24/02/2013. Cháu Lý Huyền P đã thành niên và có khả năng lao động, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Hương G cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Lý Hương G hiện đang sinh sống cùng chị N tại đội C, phường M, tỉnh Điện Biên. Tại Biên bản xác minh ngày 12/01/2026

(BL 36], Trưởng thôn Đội C17 cho biết: Cháu Lý Hương G đang ở với mẹ, điều kiện sống được đảm bảo, được đi học đầy đủ. Anh X thường xuyên say xỉn, không có công việc ổn định. Tại đơn đề nghị ngày 05/02/2026 (BL 51) của cháu Lý Hương G, cháu G có nguyện vọng ở với chị N nếu bố mẹ ly hôn. Chị N có tổng thu nhập hàng tháng khoảng 23.000.000 đồng (BL 38-42). Tại phiên tòa, anh X khai: Anh thường xuyên uống rượu vào các ngày trong tuần, không có công việc và thu nhập ổn định, không có kinh tế để lo chi phí ăn học cho các con; việc chăm sóc, nuôi dưỡng và chi phí ăn học của cháu Lý Huyền P (hiện đang học đại học) và cháu Lý Hương G do chị N một tay lo liệu. Hội đồng xét xử thấy rằng: Để đảm bảo quyền lợi cho trẻ và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ, căn cứ các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của chị N và nguyện vọng của cháu G. Giao cháu Lý Hương G sinh ngày 24/02/2013 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Các đương sự có quyền đi lại thăm con chung mà không ai được cản trở. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hiện nay, cháu Lý Huyền P đã thành niên và có khả năng lao động, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3]. *Về quan hệ tài sản*: Tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; các điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương N. Chị Nguyễn Thị Phương N được ly hôn với anh Lý A X.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Hương G sinh ngày 24/02/2013 cho chị Nguyễn Thị Phương N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Cháu Lý Huyền P đã thành niên và có khả năng lao động, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết; việc cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con, các thành viên trong gia đình không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của các bên. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản: Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000241 ngày 09/12/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Chị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Phương N, anh Lý A X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/03/2026).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND Khu vực 2 - Điện Biên;
- Thị hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Ngọc Loan